

Số: 34 /2018/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 29 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Quyết định
liên quan đến lĩnh vực công chức, viên chức**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BNV ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BNV ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 266/TTr-SNV ngày 25 tháng 9 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

1. Điều 1 được sửa đổi như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp quản lý công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.”

2. Điều 2 được sửa đổi như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các cơ quan, đơn vị hành chính trực thuộc.

2. Công chức theo quy định của Luật cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.”

3. Điều 4 được sửa đổi như sau:

“Điều 4. Nội dung phân cấp

Phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.”

4. Điều 12 được sửa đổi như sau:

“Điều 12. Xét chuyên cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn thành công chức từ cấp huyện trở lên

1. Điều kiện, tiêu chuẩn xét chuyên cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là cán bộ, công chức cấp xã) thành công chức từ cấp huyện trở lên thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Điều 13 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ

quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 13/2010/TT-BNV).

2. Thẩm quyền

a) Giám đốc Sở Nội vụ thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch và ký quyết định chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp tỉnh, sau khi được Hội đồng kiểm tra, sát hạch thống nhất thông qua;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch và ký quyết định xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện sau khi được Hội đồng kiểm tra, sát hạch thống nhất thông qua.

Trong thời hạn 30 ngày trước ngày tổ chức xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, lập kế hoạch xét chuyển gửi về Sở Nội vụ để theo dõi, kiểm tra. Kế hoạch phải đảm bảo các nội dung: Số biên chế được giao, số biên chế hiện có, vị trí dự kiến bố trí công chức sau khi xét chuyển.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ký quyết định xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi quyết định và danh sách trích ngang về Sở Nội vụ để theo dõi, kiểm tra.

3. Hồ sơ đề nghị: Văn bản đề nghị của Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh (đối với xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp tỉnh) hoặc Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện), trong đó nêu rõ vị trí việc làm cần tiếp nhận, số biên chế được giao, số biên chế hiện có của cơ quan, đơn vị có yêu cầu tiếp nhận và hồ sơ cá nhân theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 13/2010/TT-BNV.

4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ

a) Sở Nội vụ đối với xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp tỉnh;

b) Phòng Nội vụ cấp huyện đối với xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng kiểm tra, sát hạch thống nhất cho xét chuyển.”

5. Khoản 1 Điều 13 sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 13. Xếp ngạch, bậc lương cho người đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được tuyển dụng vào công chức

1. Đối với trường hợp đang được xếp lương theo ngạch, bậc, chức vụ, cấp hàm theo bảng lương do Nhà nước quy định

a) Trường hợp xếp lương vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống:

Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xếp ngạch, bậc lương cho người trúng tuyển theo quy định tại Thông tư số 79/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức khi thay đổi công việc và các trường hợp được chuyển công tác từ lực lượng vũ trang, cơ yếu và công ty

nhà nước vào làm việc trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

b) Trường hợp xếp lương vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương:

Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện dự kiến phương án xếp ngạch, bậc lương cụ thể đối với từng trường hợp và có văn bản kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ theo quy định.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm b, Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định xếp lương vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.”

6. Khoản 4 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 18. Nâng ngạch công chức

4. Nâng ngạch không qua thi đối với công chức đã có thông báo nghỉ hưu

a) Thẩm quyền:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định bổ nhiệm và xếp lương đối với công chức nâng ngạch không qua thi từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch Chuyên viên chính hoặc tương đương;

b) Thành phần hồ sơ theo quy định tại Mục 1, Phần III Thông tư số 03/2008/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện xét nâng ngạch không qua thi đối với cán bộ, công chức, viên chức đã có thông báo nghỉ hưu;

c) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ nâng ngạch: Sở Nội vụ;

d) Số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết:

Số lượng hồ sơ:

Đối với công chức nâng ngạch không qua thi từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương là 02 bộ;

Đối với công chức nâng ngạch không qua thi từ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương là 03 bộ (Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nội vụ xem xét, quyết định).

Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với công chức nâng ngạch không qua thi từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương).”

7. Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 19. Thẩm quyền điều động, chuyển công tác, tiếp nhận công chức

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định điều động công chức thuộc thẩm quyền quản lý theo yêu cầu công tác; điều động công chức sang làm viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều động công chức thuộc thẩm quyền quản lý theo yêu cầu công tác; điều động công chức (kể cả cán bộ, công chức cấp xã) sang làm viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; điều động, tiếp nhận công chức giữa cơ quan hành chính nhà nước với cơ quan đảng, đoàn thể, cơ quan, đơn vị ngành dọc cấp huyện trong cùng huyện, thành phố Cà Mau, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định điều động, chuyển công tác, tiếp nhận đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo cấp phòng hoặc tương đương trở xuống (kể cả công chức không giữ chức vụ) trong các trường hợp sau:

a) Điều động trong tỉnh: Giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh; giữa Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; giữa sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Cho công chức chuyển công tác ngoài tỉnh; chuyển công chức từ các cơ quan hành chính nhà nước sang cơ quan đảng, đoàn thể và cơ quan, đơn vị ngành dọc giữa Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau;

c) Tiếp nhận, điều động công chức ngoài tỉnh về tỉnh Cà Mau công tác; tiếp nhận, điều động công chức giữa các cơ quan hành chính nhà nước với cơ quan đảng, đoàn thể và cơ quan, đơn vị ngành dọc cấp tỉnh; điều động công chức giữa các cơ quan hành chính nhà nước với cơ quan đảng, đoàn thể và cơ quan, đơn vị ngành dọc cấp huyện giữa Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau.

4. Việc tiếp nhận, điều động công chức giữa các cơ quan khối hành chính nhà nước và các cơ quan, đơn vị khối đảng, đoàn thể thực hiện theo văn bản thống nhất giữa Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ.

Việc tiếp nhận, chuyển công tác công chức giữa các cơ quan khối hành chính nhà nước sang cơ quan ngành dọc áp dụng như quy định chuyển công tác ngoài tỉnh.”

8. Bổ sung Khoản 4 và Khoản 5 Điều 20 với nội dung như sau:

“Điều 20. Điều kiện điều động, chuyển công tác, tiếp nhận

4. Việc điều động, tiếp nhận công chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ và phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức.

5. Công chức được điều động, tiếp nhận phải đạt yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm mới.”

9. Sửa đổi Khoản 2 và bổ sung Khoản 6a tại Điều 24 với nội dung như sau:

“Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan sử dụng công chức

2. Tham mưu tổ chức tuyển dụng những trường hợp tuyển dụng đặc biệt, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý công chức theo quy định; tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách đãi ngộ khác đối với công chức.

6a. Giải quyết khiếu nại, tố cáo; quyết định cho thôi việc, nghỉ hưu đối với công chức; quản lý và lưu giữ hồ sơ công chức trong quá trình công tác (kể từ khi được tuyển dụng) theo thẩm quyền quản lý.”

10. Bãi bỏ Điều 5, Điều 6 chương II, Khoản 3 Điều 22 và Khoản 3 Điều 23.

11. Bỏ cụm từ “tổ chức bộ máy” trong Quyết định và Quy định.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

1. Điều 1 được sửa đổi như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.”

2. Điều 2 được sửa đổi như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

2. Viên chức theo quy định của Luật viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.”

3. Điều 4 được sửa đổi như sau:

“Điều 4. Nội dung phân cấp

Phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.”

4. Bổ sung điểm h, Khoản 2 Điều 9 như sau:

“Điều 9. Thẩm quyền thành lập Hội đồng, trình tự, thủ tục tuyển dụng viên chức

2. Trình tự, thủ tục tuyển dụng viên chức

h) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phải gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản đến người dự tuyển qua đường bưu điện theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức (nếu có).”

5. Điều 10 được sửa đổi như sau:

“Điều 10. Giám sát tuyển dụng viên chức

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Tổ Giám sát tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, gồm Tổ trưởng và các giám sát viên. Nhiệm vụ cụ thể của các giám sát viên do Tổ trưởng Tổ Giám sát tuyển dụng viên chức phân công.

2. Nội dung giám sát gồm: Việc thực hiện các quy định về tổ chức kỳ tuyển dụng, hồ sơ, tiêu chuẩn, điều kiện của người dự tuyển; về thực hiện nội quy, quy chế của kỳ thi. Khi thực hiện nhiệm vụ, Tổ Giám sát tuyển dụng viên chức phải xây dựng kế hoạch giám sát kỳ tuyển dụng viên chức. Tổ Giám sát tuyển dụng viên chức tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Địa điểm giám sát: Tại nơi làm việc của Hội đồng tuyển dụng viên chức, nơi tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, nơi tổ chức kiểm tra, sát hạch, đánh số phách, róc phách, ghép phách và nơi tổ chức chấm thi.

4. Thành viên Tổ Giám sát tuyển dụng viên chức được quyền vào phòng kiểm tra, sát hạch, phòng thi và nơi chấm thi; có quyền nhắc nhở thí sinh, thành viên Hội đồng tuyển dụng, các Ban thực hiện đúng quy chế và nội quy kỳ tuyển dụng; khi phát hiện có sai phạm đến mức phải lập biên bản thì có quyền lập biên bản về sai phạm của thí sinh, thành viên Hội đồng tuyển dụng, các Ban.

5. Thành viên Tổ Giám sát tuyển dụng viên chức khi làm nhiệm vụ phải đeo thẻ và phải tuân thủ đúng quy chế, nội quy của kỳ tuyển dụng; nếu vi phạm quy chế, nội quy của kỳ tuyển dụng hoặc làm lộ, lọt bí mật ảnh hưởng đến kết quả của kỳ tuyển dụng thì Trưởng các Ban báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng để kịp thời báo cáo Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đình chỉ nhiệm vụ giám sát kỳ tuyển dụng đối với thành viên Tổ Giám sát có vi phạm và xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp đặc biệt, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Nội vụ thành lập Tổ Giám sát độc lập thực hiện nhiệm vụ giám sát tuyển dụng viên chức tại cơ quan, đơn vị.

7. Hội đồng tuyển dụng viên chức có trách nhiệm báo cáo các nội dung liên quan trong quá trình tuyển dụng viên chức cho Tổ Giám sát tuyển dụng viên chức.”

6. Khoản 1 Điều 14 được sửa đổi như sau:

“Điều 14. Hủy kết quả trúng tuyển viên chức

1. Trường hợp sau 20 ngày làm việc, người trúng tuyển vào viên chức không đến ký hợp đồng làm việc trong thời hạn quy định tại thông báo trúng tuyển thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hủy kết quả trúng tuyển. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo Sở Nội vụ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người trúng tuyển đã ký hợp đồng không đến nhận việc hoặc đến nhận việc sau thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp chấm dứt hợp đồng làm việc đã ký.”

7. Khoản 2 Điều 16 được sửa đổi như sau:

“Điều 16. Xét chuyển chức danh nghề nghiệp

2. Thẩm quyền

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 trở xuống;

b) Giám đốc Sở Nội vụ ký quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2.”

8. Điểm b, Khoản 4 Điều 17 được sửa đổi như sau:

“Điều 17. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp

4. Thẩm quyền Quyết định bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Giám đốc Sở Nội vụ ký quyết định bổ nhiệm và xếp lương cho viên chức giữ chức danh nghề nghiệp được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2. Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định, Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo Mẫu 6 ban hành kèm theo Quy định này.”

9. Điều 18 được sửa đổi như sau:

“Điều 18. Xét nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho viên chức khi đã có thông báo nghỉ hưu

1. Thẩm quyền

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là thăng hạng chức danh nghề nghiệp) không qua thi từ chức danh nghề nghiệp hạng III lên chức danh nghề nghiệp hạng II hoặc tương đương.

2. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Mục 1, Phần III Thông tư số 03/2008/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện xét nâng ngạch không qua thi đối với cán bộ, công chức, viên chức đã có thông báo nghỉ hưu.

3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ nâng ngạch: Sở Nội vụ.

4. Số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết:

Số lượng hồ sơ:

Đối với viên chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III lên chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương là 02 bộ;

Đối với viên chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II lên chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương là 03 bộ (Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nội vụ xem xét, quyết định).

Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, đối với viên chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III lên chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương.”

10. Khoản 1 và Khoản 2 Điều 21 được sửa đổi như sau:

“Điều 21. Điều chỉnh, xếp lại lương đối với viên chức

1. Đối tượng

Viên chức đã được xếp lương theo quy định của pháp luật nhưng có sai sót trong quá trình xếp lương dẫn đến ngạch, chức danh nghề nghiệp, bậc lương, hệ số lương, thời gian tính nâng bậc lương lần sau, phần trăm phụ cấp thâm niên vượt khung, thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung lần sau không phù hợp với thời gian công tác được tính xếp lương có thể xem xét, điều chỉnh, xếp lại lương.

2. Thẩm quyền

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký quyết định điều chỉnh lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 trở xuống. Trường hợp trong quá trình diễn biến lương của viên chức, có liên quan đến cơ quan, đơn vị khác thì phải xin ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan;

b) Giám đốc Sở Nội vụ ký quyết định điều chỉnh lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2.”

1.1. Điều 22 được sửa đổi như sau:

“Điều 22. Thẩm quyền cho chuyển công tác, tiếp nhận đối với viên chức

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định cho chuyển công tác viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo yêu cầu công tác, cho chuyển công tác công chức sang làm viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho chuyển công tác viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo yêu cầu công tác, cho chuyển công tác công chức (kể cả cán bộ, công chức cấp xã) làm viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; cho chuyển công tác, tiếp nhận viên chức giữa các đơn vị sự nghiệp khối nhà nước với cơ quan đảng, đoàn thể và cơ quan, đơn vị ngành dọc cấp huyện trong cùng huyện, thành phố Cà Mau, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định cho chuyển công tác, tiếp nhận đối với viên chức trong các trường hợp sau:

a) Cho chuyển công tác trong tỉnh: Giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh; giữa Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; giữa sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; từ đơn vị sự nghiệp cấp huyện đến đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và ngược lại; cán bộ, công chức cấp xã được điều động làm viên chức giữa các huyện, thành phố Cà Mau, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Cho viên chức chuyển công tác ngoài tỉnh; cho chuyển công tác viên chức từ các đơn vị sự nghiệp công lập nhà nước sang cơ quan đảng, đoàn thể và cơ quan, đơn vị ngành dọc cấp huyện giữa các huyện, thành phố hoặc cấp tỉnh;

c) Tiếp nhận viên chức ngoài tỉnh về tỉnh Cà Mau công tác; tiếp nhận, cho chuyển công tác viên chức giữa đơn vị sự nghiệp công lập nhà nước với các cơ quan, đơn vị khối đảng, đoàn thể và cơ quan đơn vị ngành dọc cấp huyện giữa các huyện, thành phố Cà Mau.

4. Việc tiếp nhận, cho chuyển công tác viên chức giữa các đơn vị sự nghiệp công lập nhà nước và các cơ quan, đơn vị khối đảng, đoàn thể thực hiện theo văn bản thống nhất giữa Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ.

Việc tiếp nhận, chuyển công tác viên chức giữa các đơn vị sự nghiệp công lập nhà nước và cơ quan ngành dọc được áp dụng như quy định chuyển công tác ngoài tỉnh.”

12. Khoản 1 Điều 26 được sửa đổi như sau:

Điều 26. Tiếp nhận viên chức ngoài tỉnh về tỉnh Cà Mau công tác

1. Liên hệ để được tiếp nhận:

a) Thành phần hồ sơ:

Đơn xin chuyển công tác (01 bản chính);

Văn bản đồng ý cho chuyển công tác của cơ quan có thẩm quyền (01 bản chính);

Văn bản đồng ý tiếp nhận của đơn vị sẽ trực tiếp sử dụng viên chức, trong đó, nêu rõ vị trí việc làm dự kiến bố trí viên chức và số lượng người làm việc được giao chưa sử dụng (đối với đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện) (01 bản chính);

Văn bản đồng ý tiếp nhận của Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi tiếp nhận) trong đó phải nêu rõ vị trí việc làm và số lượng người làm việc được giao chưa sử dụng (01 bản chính);

Quyết định bổ nhiệm ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp viên chức (01 bản sao); trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày 01/4/1993 thì nộp sổ Bảo hiểm xã hội (01 bản sao);

Phiếu đánh giá viên chức, thời gian đánh giá tính đến thời điểm chuyển công tác (01 bản sao);

Văn bằng, chứng chỉ đã được đào tạo, bồi dưỡng (01 bộ bản sao);

Bản sơ yếu lý lịch viên chức mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (01 bản chính).”

13. Bổ sung Khoản 10 Điều 27 như sau:

“Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập

10. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật”.

14. Sửa đổi Khoản 4, bổ sung Khoản 3a, 4a, Điều 28 như sau:

“Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

3a. Thực hiện các chế độ, chính sách đối với viên chức theo đúng quy định của pháp luật.

4. Định kỳ từ ngày 15 đến ngày 29 tháng 12 hàng năm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo kết quả nâng bậc lương đối với viên chức; báo cáo số lượng viên chức được bổ nhiệm, xếp lương khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo mẫu 6 kèm theo Quy định này về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp.

4a. Định kỳ hàng năm, từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 3 của năm sau hoặc khi có yêu cầu báo cáo đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền, báo cáo thống kê số lượng, chất lượng viên chức; báo cáo đánh giá, phân loại viên chức; danh sách tiền lương viên chức tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước đến Sở Nội vụ”.

15. Bãi bỏ Điều 5, Điều 6, Điều 7 chương II, Khoản 3 Điều 17, Khoản 3 Điều 25 và Khoản 3 Điều 26.

16. Bỏ cụm từ “tổ chức bộ máy” trong Quyết định và Quy định.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các chức danh tương đương thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

1. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Tiêu chuẩn chung

1. Đối với bổ nhiệm

a) Có hồ sơ, lý lịch cá nhân đầy đủ, rõ ràng, được cơ quan có thẩm quyền xác minh;

b) Là công chức, viên chức có thời gian công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực dự kiến được bổ nhiệm từ 03 năm trở lên, không tính thời gian tập sự, thử việc;

c) Tuổi bổ nhiệm

Tuổi bổ nhiệm lần đầu không quá 55 tuổi đối với nam và không quá 50 tuổi đối với nữ. Riêng đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, tuổi bổ nhiệm lần đầu không quá 45 tuổi đối với cả nam và nữ.

Trường hợp do yêu cầu công việc, công chức, viên chức được bổ nhiệm giữ chức vụ mới tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang giữ thì không tính tuổi bổ nhiệm như bổ nhiệm lần đầu.

Trường hợp công chức, viên chức đã thôi giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, sau thời gian công tác nếu được xem xét bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thì điều kiện về tuổi thực hiện như quy định bổ nhiệm lần đầu (trừ trường hợp thôi giữ chức vụ do sắp xếp tổ chức bộ máy);

d) Đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm; trường hợp nhân sự trong quy hoạch của chức danh bổ nhiệm không đáp ứng yêu cầu, mới chọn công chức, viên chức trong quy hoạch chức danh tương đương hoặc cao hơn;

đ) Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm liền kề gần nhất;

e) Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

g) Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật; không đang trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời gian thi hành kỷ luật về đảng, chính quyền; không bị xử lý kỷ luật cách chức do tham nhũng hoặc bị Tòa án kết án hành vi tham nhũng.

2. Đối với bổ nhiệm lại

a) Đảm bảo tiêu chuẩn quy định tại điểm a, e, g, Khoản 1 Điều này;

b) Kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức trong thời gian giữ chức vụ:

Đối với công chức: Trong thời gian giữ chức vụ trước khi bổ nhiệm lại phải có ít nhất 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, riêng đối với năm hoàn thành nhiệm vụ (nhưng còn hạn chế về năng lực) không phải là năm liền kề với năm xem xét, bổ nhiệm lại.

Đối với viên chức: Trong thời gian giữ chức vụ trước khi bổ nhiệm lại phải có ít nhất 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, riêng 02 năm hoàn thành nhiệm vụ không liền kề nhau và không liền kề với năm xem xét bổ nhiệm lại.

c) Cơ quan, đơn vị có yêu cầu.”

2. Khoản 1 và Khoản 5 Điều 8 được sửa đổi như sau:

“Điều 8. Trình độ

1. Tốt nghiệp đại học trở lên theo chuyên ngành, chuyên môn phù hợp với lĩnh vực công tác của vị trí, chức danh được bổ nhiệm theo Đề án vị trí việc làm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.”

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng NC (Đ10/QP);
- Lưu: VT, M.A35/11.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hồng Quân